

LUYỆN TẬP CHUNG

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết cộng trừ (không nhớ) các số có ba chữ số. Biết tìm số hạng, số bị trừ.

- Biết quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài thông dụng.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Luyện tập chung. - HS làm bảng con. 896 – 133, 295 - 105 - GV nhận xét.</p> <p>3.Bài mới : *Giới thiệu bài : Luyện tập chung. *Hướng dẫn luyện tập.</p> <p>◆Bài 1: Đặt tính rồi tính. - Cho HS đọc y/c BT. - Cho HS làm bảng con. - GVNX. - Hỏi cách đặt tính và cách tính, cộng trừ với số có 3 chữ số.</p> <p>◆Bài 2 : - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>-Hỏi lại HS về cách tìm số hạng, tìm số bị trừ, số trừ. - Nhận xét.</p> <p>◆Bài 3 : - Cho HS nêu y/ c BT. - Gọi HS nêu cách thực hiện. - Cho HS tự làm. - GV chấm 5 vở – nhận xét.</p>	<p>- Hát vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>1/ - 1 HS đọc y/ c BT. - HS thực hiện BT. - NX. - 2 HS nêu.</p> <p>2/ - Bài toán yêu cầu chúng ta tìm x - 2 HS làm bảng phụ – Cả lớp làm VBT. a) $300 + x = 800$ $x + 700 = 1000$ $x = 800 - 300$ $x = 1000 - 700$ $x = 500$ $x = 300$</p> <p>b) $x - 600 = 100$ $700 - x = 400$ $x = 100 + 600$ $x = 700 - 400$ $x = 700$ $x = 300$</p> <p>- 3 HS trả lời.</p> <p>3/ -1 HS nêu. -Cộng các số trong phép tính cộng của từng vế. - HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ. - Nhận xét- Sửa sai.</p>

4.Củng cố: - Nhắc lại nội dung bài đ học 5.Dặn dò : -Chuẩn bị : Kiểm tra.	
--	--

Tuần : 33

Ngày 26/4/2017

**ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ
TRONG PHẠM VI 1000**

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. Biết đếm thêm một số đơn vị trong trường hợp đơn giản.
- Biết so sánh các số có ba chữ số. Nhận biết số bé nhất, số lớn nhất có ba chữ số.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
1.Ôn định : 2.Bài cũ : Luyện tập chung -GV nhận xét bài kiểm tra. 3.Bài mới : *Giới thiệu bài : - Các em đã được học đến số nào? - Trong giờ học các em sẽ được ôn luyện về các số trong phạm vi 1000. *Hướng dẫn ôn tập. ◆Bài 1: - Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó GV đọc cho HS ghi vào bảng con. - Nhận xét bài làm của HS. - Yêu cầu : Tìm các số tròn chục trong bài. - Tìm các số tròn trăm có trong bài. - Số nào trong bài là số có 3 chữ số giống nhau? ◆Bài 2 : - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu cả lớp theo dõi nội dung phần a. - Điền số nào vào ô trống thứ nhất? - Vì sao? - Yêu cầu HS điền tiếp vào các ô trống còn lại của phần a, sau đó cho HS đọc tiếp các dãy số này và giới thiệu: Đây	- Hát vui -Số 1000. 1/ -HS viết vào bảng con. - HS nhận xét. - Đó là 250. - Đó là số 900. - Số 555 có 3 chữ số giống nhau, cùng là 5. 2/ - Bài tập yêu cầu chúng ta điền số còn thiếu vào ô trống. - Điền 382. - Vì đếm 380, 381, sau đó đến 382.

<p>là dãy số tự nhiên liên tiếp từ 380 đến 390.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm các phần còn lại và chữa bài.</p> <p>♦Bài 3 : (HS tự tìm số điền vào chỗ chấm)</p> <p>♦Bài 4 :</p> <p>- Hãy nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó giải thích cách so sánh 2 phép tính:</p> <p style="padding-left: 40px;">534 . . . 500 + 34</p> <p style="padding-left: 40px;">909 . . . 902 + 7</p> <p>- GV chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p>- Chữa bài.</p> <p>♦Bài 5 :</p> <p>- Đọc từng yêu cầu của bài và yêu cầu HS viết số vào bảng con.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>4.Củng cố:</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p>5.Dặn dò :</p> <p>-Chuẩn bị: Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tiếp theo).</p>	<p>- HS tự làm các phần còn lại và chữa bài.</p> <p>4/</p> <p>- So sánh số và điền dấu thích hợp.</p> <p>- 1 HS làm bảng phụ – Cả lớp làm vở.</p> <p>- HS trình bày – nhận xét.</p> <p>- HS làm bảng con:</p> <p>a) 100, b) 999, c) 1000</p>
--	---

Tuần : 33
Ngày 27/4/2017

ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000 (Tiếp theo)

I.MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. Biết phân tích các số có ba chữ số thành các trăm, các chục, các đơn vị và ngược lại.
- Biết sắp xếp các số có đến ba chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Ôn tập về các số trong phạm vi 1000.</p> <p>- GV đọc cho HS viết vào bảng con các số: 345, 698, 740</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS viết bảng con.</p> <p>- HS nhận xét.</p>

<p>3. Bài mới : *Giới thiệu bài : Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tiếp theo). *Hướng dẫn ôn tập. ◆ Bài 1: - Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài. - Cho HS tự làm. - Nhận xét bài làm của HS. ◆ Bài 2 : - Viết số 842 lên bảng và hỏi: Số 842 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy, đơn vị. - Hãy viết số này thành tổng trăm, chục, đơn vị. + Nhận xét và rút ra kết luận: $842 = 800 + 40 + 2$ - Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại của bài, sau đó chữa bài. ◆ Bài 3 : - Cho HS đọc y/ c BT. - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó gọi HS đọc bài làm của mình trước lớp, chữa bài. ◆ Bài 4 : - Viết lên bảng dãy số 462, 464, 466, . . . và hỏi: 462 và 464 hơn kém nhau mấy đơn vị? - 464 và 466 hơn kém nhau mấy đơn vị? - Vậy hai số đứng liền nhau trong dãy số này hơn kém nhau mấy đơn vị? GV: Đây là dãy số đếm thêm 2, muốn tìm số đứng sau, ta lấy số đứng trước cộng thêm 2. - Chấm 5 vở – nhận xét. 4. Củng cố: - Nhắc lại nội dung bài đã học 5. Dặn dò : - Chuẩn bị: Ôn tập về phép cộng và trừ.</p>	<p>1/ - Làm bài vào vở, 2 HS làm bảng phụ . - HS nhận xét.</p> <p>2/ - Số 842 gồm 8 trăm, 4 chục và 2 đơn vị. - 2 HS lên bảng viết số, cả lớp làm bài ra nháp. - 1 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở .</p> <p>3/ - 1 HS đọc y/c. - HS tự làm bài, chữa bài.</p> <p>4/ - 462 và 464 hơn kém nhau 2 đơn vị. - 464 và 466 hơn kém nhau 2 đơn vị. - 2 đơn vị. - HS làm vở. - 1 HS làm bảng phụ. - Nhận xét.</p>
---	---

Tuần : 33
Ngày dạy: 28/4/2017

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG

VÀ PHÉP TRỪ

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

-Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

-Biết làm cộng trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Ôn tập về các số trong phạm vi 1000.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Ôn tập về phép cộng và trừ</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>◆Bài 1:</p> <p>- Cho HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS nhẩm 3 phút rồi nêu kết quả nối tiếp.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>◆Bài 2 : Tính (Chỉ làm cột 1, 2 , 4 còn cột 2 HS tự tìm kết quả)</p> <p>- Nêu yêu cầu của bài</p> <p>- Cho HS làm bảng con.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính của một số con tính.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>◆Bài 3 :</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Có bao nhiêu HS gái?</p> <p>- Có bao nhiêu HS trai?</p> <p>- Làm thế nào để biết tất cả trường có bao nhiêu HS?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở- NX.</p> <p>-Chữa bài.</p> <p>◆Bài 4 : (HS về tự tìm kết quả)</p> <p>4.Củng cố:</p>	<p>- Ht vui</p> <p>1/ - HS nêu y/c BT. - HS nối tiếp nhau đọc bài làm của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính. - HS nhận xét.</p> <p>2/ - 1 HS đọc y/ c BT. - HS làm bảng con.</p> <p>3/ - Một trường tiểu học có 265 HS gái và 234 HS trai. Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu HS. - Có 265 HS gái. - Có 224 HS trai. - Thực hiện phép tính cộng số HS gái và số HS trai với nhau. - 1 HS làm bảng phụ – cả lớp làm vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số HS trường đó có là: $265 + 234 = 499$ (HS) Đáp số: 449 HS.</p>

- Nhắc lại nội dung bài đ học 5. Dặn dò : Chuẩn bị: Ôn tập phép cộng, trừ.	
---	--

Tuần : 33

Ngày dạy:...../5/2017

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tt)

I. MỤC TIÊU : Giúp HS :

-Biết cộng, trừ nhằm các số tròn chục, tròn trăm. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

-Biết làm cộng trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. Biết giải bài toán về ít hơn. Biết tìm số bị trừ, tìm số hạng của một tổng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1. Ôn định :</p> <p>2. Bài cũ : Ôn tập về phép cộng và phép trừ. - Cho HS làm bảng con : $154 + 23$ $721 + 165$</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài :</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>♦ Bài 1: Tính nhẩm.</p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>♦ Bài 2 : Đặt tính rồi tính.</p> <p>- Cho HS đọc y/c BT.</p> <p>- Cho HS làm bảng con.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính của một số con tính.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>♦ Bài 3 :</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>-Chấm 5 vở – nhận xét.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS đặt tính rồi tính.</p> <p>1/ - HS nhẩm (3') 9 HS nối tiếp nhau đọc bài làm của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính.</p> <p>2/ - 1 HS đọc y/c. - HS làm bảng con. - 2 HS nêu.</p> <p>3/ - Anh cao 165 cm, em thấp hơn anh 33cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăngtimet? - 1 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: right;">Bài giải.</p> <p style="text-align: right;">Em cao là:</p>

<p>♦ Bài 4 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</p> <p>♦ Bài 5 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài và nêu cách làm của mình. - Nhận xét bài làm HS. <p>4. Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài đã học <p>5. Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: Ôn tập về phép nhân và chia. 	<p>$165 - 33 = 132$ (cm) Đáp số: 132 cm.</p> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm x. - HS tự làm và đổi vở kiểm chéo. - HS trình bày bảng phụ. - HS nhận xét.
---	--

Tuần : 33

Ngày/5/2017

ÔN TẬP PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

I. MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học).

- Biết tìm số bị chia, tích. Biết giải bài toán có một phép nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1. Ôn định :</p> <p>2. Bài cũ : Ôn tập về phép cộng và phép trừ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng. <p>$X - 21 = 32 \quad x = ?$</p> <p>A. 43 B. 33 C. 45</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét. <p>3. Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài : Ôn tập về phép nhân và chia.</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>* Bài 1: Tính nhẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài 4 phút. - GV nhận xét. - Yêu cầu HS làm tiếp phần b. - Yêu cầu HS nêu cách tính nhẩm của 	<ul style="list-style-type: none"> - Ht vui - HS ghi kết quả chọn vào bảng con. <p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài vào vở. 16 HS nối tiếp nhau đọc bài làm phần a của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính. - 4 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở. - 4 HS vừa lên bảng lần lượt trả lời.

<p>từng con tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bài làm của HS. <p>♦Bài 2 : Tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nêu y/ c BT. - Y/ C HS làm bảng con. - GVNX - Cho HS nêu cách thực hiện từng dãy tính. <p>♦Bài 3 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc đề bài. <ul style="list-style-type: none"> - HS lớp 2A xếp thành mấy hàng? - Mỗi hàng có bao nhiêu HS? - Vậy để biết tất cả lớp có bao nhiêu HS ta làm ntn? - Cho HS tự làm. - GV chấm 5 vở –NX. - Chữa bài HS. <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi : Tại sao ta thực hiện phép tính nhân. <p>♦Bài 4 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</p> <p>♦Bài 5 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS tự làm bài và nêu cách làm của mình. - Cho HS đổi vở kiểm tra. - Nhận xét bài bảng phụ. - Gọi HS nhắc lại cách tìm thừa số và số bị chia. <p>4.Củng cố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài đ học <p>5.Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chuẩn bị: Ôn tập về phép nhân và phép chia (TT). 	<p>2/ -1 HS nêu. -HS làm bảng con.</p> <p>- 2 HS nêu cách thực hiện dãy tính có 2 phép tính.</p> <p>3/ - HS lớp 2A xếp thành 8 hàng, mỗi hàng có 3 HS. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu HS? - Xếp thành 8 hàng. - Mỗi hàng có 3 HS. - HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Số HS của lớp 2A là: $3 \times 8 = 24$ (HS) Đáp số: 24 HS.</p> <p>- 1 HS nêu.</p> <p>5/ - Tìm x. - HS tự làm .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra bài chéo. - HS – bổ sung bài ở bảng phụ. - Nhắc lại cách tìm số bị chia, thừa số.
--	---

Tuần : 34
Ngày 3/5/2017

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA (TIẾP THEO)

I.MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học).

- Biết giải bài toán có một phép chia. Nhận biết một phần mấy của một số.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Ôn tập về phép nhân và phép chia Chọn chữ đặt trước kết quả đúng cho phép tính sau: $24 + 15 - 8 = ?$ A. 39 B. 7 C. 31</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài :</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>◆Bài 1:</p> <p>- Cho HS nêu yêu cầu của bài tập,. - Gọi HS nhẩm kết quả - Y/ C HS nêu kết quả nối tiếp. - Hỏi : khi biết $4 \times 9 = 36$ có thể ghi ngay kết quả của $36 : 4$ không? Vì sao? - Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>◆Bài 2 :</p> <p>- GV nêu y/c BT. - Cho HS làm cột 1 vào bảng con - GV nhận xét – Gọi HS nêu cách thực hiện.</p> <p>◆Bài 3 :</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Có tất cả bao nhiêu bút chì màu? - Chia đều cho 3 nhóm nghĩa là chia ntn?</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>1/ -1 HS nêu. -Nhẩm kết quả -Nêu kết quả. -Có thể ghi ngay kết quả $36:4=9$ vì nếu lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia.</p> <p>2/ -Theo dõi. -HS làm bảng con cột thứ 1. -Nhận xét – Nêu cách thực hiện mỗi dãy tính.(thực hiện từ trái sang phải)</p> <p>3/ -Có 27 bút chì màu, chia đều cho 3 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu ? - Có tất cả 27 bút chì màu. - Nghĩa là chia thành 3 phần bằng nhau.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Vậy để biết mỗi nhóm nhận được mấy chiếc bút chì màu ta làm ntn? - GV chấm 5 vở – nhận xét. - Chữa bài ở bảng phụ cho HS. <p>♦ Bài 5 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</p> <p>4. Củng cố – Dặn dò :</p> <p>- Chuẩn bị: Ôn tập về đại lượng Luyện tập.</p>	<p>- HS tự làm.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải.</u></p> <p>Số bút chì màu mỗi nhóm nhận được là:</p> <p style="text-align: center;">$27 : 3 = 9$ (chiếc bút)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 9 chiếc bút.</p>
--	--

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

I. MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.
- Biết ước lượng độ dài trong một số trường hợp đơn giản. Biết giải bài toán có gắn với các số đo (lít, đồng)

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1. Ôn định :</p> <p>2. Bài cũ : Ôn tập về phép nhân và phép chia (TT) - Y/ C HS nêu : $1m = \dots\dots\dots cm$ $1 km = \dots\dots m$</p> <p>-GV nhận xét.</p> <p>3. Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài :</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>◆ Bài 2 :</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>- Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>◆ Bài 4 :</p> <p>- Bài tập yêu cầu các em tưởng tượng và ghi lại đội dài của một số vật quen thuộc như bút chì, ngôi nhà, . . .</p> <p>- Cho HS thảo luận nhóm đôi (3')</p> <p>- Gọi HS trình bày – nhận xét sửa sai.</p> <p>- Nói chiếc bút bi dài 15mm có được không? Vì sao?</p> <p>- Nói chiếc bút bi dài 15dm có được không? Vì sao?</p> <p>4. Củng cố:</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p>5. Dặn dò :</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS suy nghĩ và nêu miệng kết quả.</p> <p>2/</p> <p>- Can bé đựng 10 lít nước mắm, can to đựng nhiều hơn can bé 5 lít nước mắm. Hỏi can to đựng được bao nhiêu lít nước mắm?</p> <p>- HS tự làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải.</p> <p style="text-align: center;">Số lít nước mắm can to đựng là:</p> <p style="text-align: center;">$10 + 5 = 15 (l)$</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 15 l.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>- Vì 15 mm quá ngắn, không có chiếc bút bi bình thường nào lại ngắn như thế?</p> <p>- Không được vì như thế là quá dài.</p>

-Chuẩn bị: Ôn tập về đại lượng (TT).	
--------------------------------------	--

Tuần : 34

Ngày 5/5/2017

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tt)

I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Nhận biết thời gian được dành cho một số hoạt động. Ôn tập về các đơn vị đo của các đại lượng đã học.

- Biết giải bài toán liên quan đến đơn vị kg; km.

II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p>1.Ôn định :</p> <p>2.Bài cũ : Ôn tập về đại lượng.</p> <p>- Cho 2 HS lên quay kim đồng hồ chỉ 2 giờ 15 phút ; 3 giờ 30 phút.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>3.Bài mới :</p> <p>*Giới thiệu bài :</p> <p>*Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>◆Bài 1:</p> <p>- Gọi 1 HS đọc bảng thống kê các hoạt động của bạn Hà.</p> <p>- Hà dành nhiều thời gian nhất cho hoạt động nào?</p> <p>- Thời gian Hà dành cho việc học là bao lâu?</p> <p>◆Bài 2 :</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em làm bài.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>◆Bài 3 :</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- 2 HS lên bảng thực hiện, bạn nhận xét.</p> <p>1/</p> <p>- 1 HS đọc, cả lớp theo dõi trong SGK.</p> <p>- Hà dành nhiều thời gian nhất cho việc học.</p> <p>- Thời gian Hà dành cho việc học là 4 giờ.</p> <p>2/</p> <p>-Bình cân nặng 27 kg, Hải nặng hơn Bình 5 kg. Hỏi Hải cân nặng bao nhiêu kilôgam?</p> <p>Bài giải</p> <p>Bạn Bình cân nặng là:</p> $27 + 5 = 32 \text{ (kg)}$ <p>Đáp số: 32 kg.</p> <p>3/</p> <p>- Đọc đề bài và quan sát hình biểu diễn.</p>